

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ ĐẤT ĐAI Ở BẮC KẠN SAU "KHOÁN 10"

LA CÔNG Ý

Trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước, ở miền núi cũng như miền xuôi, ruộng đất luôn là vấn đề then chốt, có ý nghĩa cốt tử, chi phối toàn bộ cuộc sống của cư dân và các mối quan hệ trong cộng đồng, làng bản. Từ khi đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện "Khoán 10" ở Bắc Kạn cũng như các tỉnh vùng Đông Bắc nói chung, các hợp tác xã theo mô hình cũ bị tan vỡ; có lúc, có nơi quan hệ đất đai khá căng thẳng; mâu thuẫn và tranh chấp ruộng đất xảy ra khá gay gắt.

Trong thời gian này, tại tỉnh Bắc Kạn đã xảy ra hàng nghìn vụ tranh chấp đất đai. Riêng huyện Ba Bể, mỗi năm có hàng trăm lá đơn khiếu kiện về ruộng đất. Mâu thuẫn về đất đai và tranh chấp ruộng đất như một nạn dịch lan từ nơi này sang nơi khác. Không chỉ nông dân mà cả một số viên chức Nhà nước sống ở thị xã, thị trấn, thậm chí có người từng là lãnh đạo chủ chốt cấp huyện cũng đòi ruộng ông cha.

Từ khi hợp tác xã tan vỡ đến cuối năm 1994, tranh chấp đất đai diễn ra gay gắt nhất. Các hộ đòi lại phần ruộng của ông cha, tổ tiên (*nà cốc chớ*) mà họ đã góp vào hợp tác xã. Từ năm 1995 đến nay nhiều vụ tranh chấp đã được chính quyền các cấp quan tâm, giải quyết thoả đáng và khoảng 80% diện tích ruộng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng; tình trạng mâu thuẫn, tranh chấp ruộng đất có phần lắng xuống, và phần lớn chỉ là tranh chấp trong nội tộc, giữa những người cùng dòng họ.

Mâu thuẫn và tranh chấp đất đai xảy ra chủ yếu ở vùng thấp, trong các dân tộc Tày, Nùng, nơi tập trung nhiều ruộng nước và đôi khi cũng thấy ở vùng cao, trong các dân tộc

Hmông, Dao. Phần lớn số vụ là tranh chấp cá nhân nhưng không ít vụ mang tính tập thể, giữa bản này với bản khác hay giữa bản với nông, lâm trường đóng tại địa phương. Nhiều vụ chỉ là những va chạm nhỏ và đương sự tự thoả thuận hay chỉ cần hoà giải là xong, chính quyền không phải xử lý. Nhưng một số vụ diễn ra gay gắt, tới mức hai bên xô xát hay có những hành động phá hoại sản xuất: nhà này cày lên thì nhà kia đến bừa, người nọ cày xuống thì người kia nhổ đi; phá xi phông dẫn nước hoặc bỏ mảnh chai xuống ruộng, thậm chí có khi còn vác gậy, cầm dao đe dọa nhau; có những người là anh em ruột mà đã từ nhau. Đặc biệt là vụ tranh chấp giữa bản Phiêng Kham của người Dao Đỏ "hạ sơn" với Bản Luông của người Tày "bản địa" ở xã Mỹ Thanh (huyện Bạch Thông) có hàng trăm người tham gia và mang tính tổ chức rõ rệt; người ta dùng cả kẻo làm hiệu lệnh để đi tranh chấp ruộng. Đây là một trong những vụ gay gắt nhất, kéo dài suốt 5 năm, gây ra những hậu quả nặng nề về kinh tế, xã hội và ảnh hưởng không ít đến tâm lý, tình cảm của người dân.

I. NGUYÊN NHÂN CỦA MÂU THUẬN VÀ TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và tranh chấp đất đai nhưng có lẽ chủ yếu là do tình trạng thiếu đất canh tác ngày càng trở nên trầm trọng, đã trực tiếp đe dọa cuộc sống của những người nông dân xưa nay chỉ quen với việc trồng cây lương thực theo lối tự cấp, tự túc.

Miền núi xưa nay vẫn được coi là nơi "đất rộng, người thưa" nhưng chủ yếu là đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng, còn đất nông nghiệp rất ít. Ví dụ, huyện Bạch Thông

chỉ có 6,1% đất nông nghiệp, huyện Ba Bể: 4,4%. Trong số đó, ruộng nước rất ít: theo thống kê, cả tỉnh Bắc Kạn chỉ có 8.000 ha. Ở một số xã ruộng nước chỉ chiếm trên dưới 50% đất nông nghiệp. Bình quân ruộng đất tính theo đầu người rất thấp, chỉ trên dưới 2 sào Bắc Bộ / người. Có nơi như xã Quảng Bạch (huyện Chợ Đồn) không đầy 1 sào/người. Với diện tích đất ruộng như vậy, nhưng nhiều thửa ruộng lại lầy thụt, chua phèn, dễ bị xói lở vùi lấp; một số diện tích là ruộng cạn chờ mưa, chỉ cấy được một vụ. Chẳng hạn, ở huyện Bạch Thông ruộng 2 vụ chỉ chiếm 46% tổng số ruộng nước. Có nơi như xã Xuân La (huyện Ba Bể), ruộng 2 vụ chỉ chiếm 10% tổng số ruộng nước.

Ở nông thôn miền núi hiện nay, đầu chưa phải "tấc đất, tấc vàng" nhưng với Luật đất đai 1993, ruộng đất có thể chuyển nhượng, mua bán và trở thành hàng hoá có giá trị cao. Giá đất phụ thuộc vào vị trí và chất lượng của từng mảnh. Ở huyện Ba Bể ruộng tốt ở gần trung tâm huyện có thể bán với giá 8 triệu/ *pung*⁽¹⁾; ruộng tốt ở các xã: 4- 5 triệu/ *pung*; ruộng trung bình: 2- 3 triệu/ *pung*; ruộng xấu 1 triệu/ *pung*. Ngoài cách bán đứt như trên, đồng bào còn có hình thức bán theo vụ hoặc cho thuê và thu 50% hoa lợi.

Trong lúc đất canh tác có hạn, khả năng khai hoang, mở rộng diện tích ngày càng bị hạn chế thì dân số lại không ngừng phát triển. Nhiều bản sau cách mạng Tháng Tám chỉ có vài hộ, đến nay đã có vài chục nóc nhà. Từ thế hệ này đến thế hệ khác, ruộng đất dần bị chia nhỏ và trở nên manh mún. Có gia đình đời ông thuộc loại nhiều ruộng nhất nhì trong bản, có tới 16 *pung*, đến đời bố có 2 anh em nên chia đôi còn 8 *pung* và đến đời con có 8 anh em phải chia làm 8 phần nên mỗi người chỉ còn 1 *pung*. Nếu chỉ

làm thuần nông và độc canh cây lúa thì số ruộng đó khó lòng nuôi sống 1 gia đình có 5- 7 người.

Đất lâm nghiệp không phải là ít nhưng chủ yếu là rừng tái sinh và đất trống, đồi núi trọc. Sử dụng đất đó như thế nào, trồng loại cây gì để có hiệu quả kinh tế cao và làm sao để cho nông dân có thể sống được bằng nghề rừng, đối với nhiều tỉnh miền núi đang là vấn đề chưa được giải quyết. Đã có những địa phương khai thác tốt đất rừng, trồng các loại cây đặc sản, cây ăn quả, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao hay tiến hành chăn nuôi có kết quả, đem lại thu nhập đáng kể cho nông dân, thiết thực góp phần nâng cao đời sống và thực hiện xoá đói, giảm nghèo. Nhưng gần đây một số nơi đang gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, không tìm được thị trường, không có đầu ra.

Một nguyên nhân quan trọng khác dẫn đến mâu thuẫn và tranh chấp đất đai là sự thiếu nhất quán trong chính sách về đất đai, với nhiều lần thay đổi cơ chế quản lý và sử dụng đất.

Như đã biết, ở vùng thấp từ lâu ruộng đất đã trở thành tài sản riêng, có thể mua bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp. Đến thời kỳ hợp tác xã, ruộng được công hữu hoá, trở thành tài sản tập thể. Nhưng cánh đồng miền núi khai phá theo kiểu bậc thang, không thể làm bờ vùng, bờ thửa như ở miền xuôi nên các thửa ruộng ít thay hình, đổi dạng và hầu hết vẫn như trước khi đưa vào hợp tác xã; thậm chí để tiện phân biệt người ta vẫn gọi tên các thửa ruộng kèm theo tên chủ cũ. Khi triển khai "Khoán 10", một số địa phương lại không thực hiện triệt để nên nhiều người đòi ruộng cũ của mình chứ không chịu nhận ruộng của người khác và khoán gọn chuyển luôn thành khoán trắng. Hợp tác xã tan rã, người nông dân vẫn biết chắc đâu là ruộng của mình để đòi lại. Lúc đầu chỉ một vài người tuyên bố lấy lại ruộng

¹ *Pung* là đơn vị đo diện tích của người Tày, tương đương 1.000m²

ông cha, sau đó thấy không sao nên nhiều người khác làm theo. Thế là "ruộng anh anh lấy, ruộng tôi tôi lấy"; những người ngụ cư không còn đất canh tác trở về quê đòi phân ruộng, gây ra phản ứng dây chuyền. Phong trào lấy lại ruộng ông cha bùng lên rồi lan rộng khắp nơi.

Thêm nữa, đầu những năm 60, theo chủ trương đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi khai hoang, phát triển kinh tế, văn hoá, một bộ phận người Kinh từ đồng bằng sông Hồng đã chuyển đến các tỉnh miền núi, sống xen kẽ và cùng làm ruộng với dân sở tại. Đến giữa những năm 70 lại có chủ trương đưa đồng bào vùng cao xuống núi định cư. Một bộ phận người Hmông, người Dao và người Sán Chỉ đã "hạ sơn", cùng làm ruộng nước với người Tày, người Nùng. Điều đó làm cho bình quân ruộng đất ở vùng này vốn đã thấp lại càng thấp hơn.

Trong thời kỳ hợp tác xã, ruộng đất là của chung, làm ăn theo kiểu "bình công, chấm điểm"; tiếp đến là khoán sản lượng với mức khoán thường cao hơn nhiều so với thu hoạch thực tế. Với cách quản lý như vậy, người nông dân cố làm nhiều ruộng hơn cũng chẳng được thêm bao nhiêu lương thực nên sự có mặt của những người lảng giềng mới cũng chẳng làm họ phải bận tâm mà trái lại, còn vui vẻ nhường bớt phần ruộng của mình. Tuy nhiên, khi hợp tác xã tan rã thì ngay lập tức họ lại ý thức được rằng, đó là ruộng của mình và đặt vấn đề đòi lại.

Nhiều vụ tranh chấp xảy ra chỉ vì không rõ nguồn gốc, xuất xứ của thửa ruộng nên khó xác định một cách chính xác ai là người chủ thực sự. Dưới đây là một số dạng tranh chấp tiêu biểu:

- Người có công khai phá ruộng nhưng cây xuống bị thú rừng phá hoại, không được thu hoạch nên chỉ sau 1, 2 vụ lại bỏ hoang hoá. Nhiều năm sau, khi cây cối đã mọc trở lại thành rừng, người khác đến phục hoá và

đến khi xây dựng hợp tác xã thì đúng đơn đưa số ruộng đó cho tập thể. Sau khi hợp tác xã tan rã cả người khai phá và người phục hoá đều nhận là ruộng của mình.

- Trường hợp đã bán ruộng nhưng chỉ bán đoạn (*khai tøm*), người mua chỉ được sử dụng trong một thời gian nào đó và người bán cũng mới nhận một phần tiền. Việc mua bán lại thoả thuận miệng, không làm văn tự, giấy tờ. Khi có phong trào hợp tác hoá người mua đúng đơn đưa số ruộng đó vào hợp tác xã. Đến khi hợp tác xã giải thể cả người mua lẫn người bán đều cho đó là ruộng của mình.

- Trường hợp ruộng đã bán đứt, người bán đã nhận đủ tiền và hai bên làm văn tự, giấy tờ nhượng bán, có chứng thực, xác nhận của chính quyền đương thời. Nhưng văn tự, giấy tờ nhượng bán không còn, việc mua bán xảy ra đã quá lâu, hàng mấy chục năm về trước, những người trực tiếp tham gia vào việc mua bán (hoặc biết về việc mua bán đó) đều đã quá cố, nên khi hợp tác xã tan rã con cái hai bên tranh chấp với nhau.

- Lại có trường hợp trước đây con đang tại ngũ, bố mẹ ở nhà bán ruộng, đến khi con phục viên về thì bố mẹ đều đã chết, ruộng do hợp tác xã quản lý và sử dụng, không ai cho biết có việc mua bán đó nên cứ định ninh ruộng đó là của mình và khi hợp tác xã giải thể thì đòi lại.

- Có trường hợp vì một lý do nào đó người ta phải đem ruộng đi cầm cố. Người mua đã sử dụng một thời gian dài trước khi đưa vào hợp tác xã. Sau khi hợp tác xã tan rã người bán đòi lại ruộng mà không chịu trả tiền chuộc với lý do là người mua đã được hưởng hoa lợi trong nhiều năm. Ngược lại, có người mua ruộng cầm cố nhưng thấy ruộng tốt không muốn cho người bán chuộc lại.

- Người nhiều ruộng không sử dụng hết, cho người khác mượn. Khi đưa vào hợp

tác xã người mượn lại đứng tên chủ ruộng. Đến khi hợp tác xã tan rã họ nhận là ruộng của mình.

- Những thửa ruộng diện tích quá nhỏ, đất xấu lại ở xa bản, nên trong thời kỳ hợp tác xã không sử dụng đến. Sau khi hợp tác xã tan rã những hộ có ruộng ở gần kê, liền bờ, liền khoảnh nhận luôn những đám ruộng đó là của mình.

Phần lớn những mâu thuẫn và tranh chấp đất đai xảy ra trong nội tộc là do việc phân chia không hợp lý khi tách hộ hay trao quyền thừa kế cho con cái. Ở nhiều dân tộc khi chia tài sản thường chia đều cho tất cả con trai và con rể; bố mẹ chỉ giữ lại một phần. Người nào chịu trách nhiệm phụng dưỡng bố mẹ già và lo ma chay, chôn cất sẽ được nhận thêm phần ruộng của bố mẹ. Tuy nhiên, trong thực tế ruộng thừa to, thừa nhỏ, thừa tốt, thừa xấu, thừa chủ động về nước tưới, thừa phải chờ mưa mới cày cấy được nên khi phân chia không tránh khỏi người hơn, kẻ thiệt, người được lợi chút ít, kẻ bị thiệt một tí. Nếu anh em không thuận hoà rất dễ xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp.

Khi phong trào hợp tác hoá suy sụp, bắt đầu có biểu hiện tan rã, Nhà nước vẫn chủ trương củng cố quan hệ sản xuất, cố gắng duy trì các hợp tác xã chứ không tính đến việc giải quyết các quan hệ đất đai nếu như hợp tác xã tan rã. Đến khi xảy ra hiện tượng đòi lại ruộng ông cha thì lại không kiên quyết xử lý và cũng không có hướng giải quyết công ăn, việc làm nhằm ổn định đời sống của những người không có đất canh tác.

Tình trạng di dân tự do cũng là một nguyên nhân làm cho quan hệ đất đai trở nên phức tạp hơn. Từ sau chiến tranh biên giới phía Bắc nhiều nhóm người Hmông di cư từ Cao Bằng đến Bắc Kạn. Họ chặt phát những khu rừng già trên núi cao thuộc phạm vi quản lý của các bản người Tày, người Nùng

đã sinh sống ở đó từ lâu đời để làm nương rẫy. Điều đó không những tàn phá môi trường sinh thái của khu vực mà còn đụng chạm đến quyền lợi của cư dân sở tại, làm ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc ở địa phương.

Trong nhiều trường hợp, mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia với lợi ích địa phương, giữa lợi ích cộng đồng với lợi ích cá nhân chưa được giải quyết tốt. Chẳng hạn, việc khoanh vùng khu bảo tồn thiên nhiên rừng quốc gia Ba Bể đã hạn chế các hoạt động kinh tế của cư dân ở xung quanh hồ, trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, dẫn đến những va chạm giữa cán bộ kiểm lâm với cư dân sở tại. Có nơi, chính quyền mượn danh nghĩa Nhà nước thu hồi đất đai của dân để xây dựng trụ sở, trạm xá, trường học hay làm đường giao thông mà không có sự đền bù thỏa đáng.

Tại khu vực đô thị, việc đền bù để giải phóng mặt bằng, xây dựng thị xã, thị trấn còn nhiều bất cập. Chẳng hạn, ở thị xã Bắc Kạn khi thu hồi đất của dân thì tính theo giá đất nông nghiệp 17.000đ/ m², nhưng khi bán đất cho dân dưới hình thức thanh lý lại tính theo giá đất thổ cư 800.000đ/ m². Vì thế, lợi ích của người dân bị đụng chạm và đã nảy sinh không ít vấn đề phải giải quyết.

Trong khi đó, công tác địa chính chưa được chú trọng đúng mức. Do thiếu kinh phí nên một số nơi chưa đo đạc lại ruộng đất mà vẫn dùng bản đồ giải thửa 169 cũ kỹ, đã lạc hậu với thực tế. Có nơi đất thổ cư, đất vườn, soi bãi, đất lâm nghiệp và đất nông nghiệp do khai hoang, phục hoá trong thời kỳ hợp tác xã đến nay vẫn chưa được đo đạc lại.

II. GIẢI QUYẾT MÂU THUẬN VÀ TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Tại Bắc Kạn, cách giải quyết đơn giản và thường mang lại hiệu quả cao nhất là giúp đỡ, tạo điều kiện cho các bên tranh chấp tự

thoả thuận với nhau. Rất nhiều vụ được giải quyết theo cách này. Có khi đương sự chỉ gặp nhau đôi lần để trao đổi, bàn bạc là đi đến nhất trí. Việc tự thoả thuận không những làm cho vấn đề được giải quyết nhanh, gọn mà còn tránh được sút mẻ tình cảm gia đình, dòng họ, không gây tổn hại đến quan hệ hàng xóm, láng giềng.

Theo quy định, cấp xã trở lên mới có thẩm quyền xử lý còn cấp thôn bản chỉ được hoà giải và ở các thôn đều có tổ hoà giải do hội nghị toàn thể các hộ trong thôn bầu ra. Mỗi tổ gồm 3 - 4 người do trưởng thôn làm tổ trưởng, các thành viên là đại diện của hội phụ lão, hội phụ nữ và đoàn thanh niên. Nếu đương sự là đảng viên thì thành phần tổ hoà giải còn thêm đại diện của chi bộ đảng. Các tổ hoà giải với chức năng điều hoà những mâu thuẫn, xích mích, va chạm trong gia đình, làng xóm đã tích cực tham gia vào việc giải quyết các vụ tranh chấp ruộng đất. Họ khéo léo vận dụng luật đất đai, kết hợp luật pháp với phong tục, tập quán của địa phương, của dân tộc để xử lý các vụ việc.

Nếu thoả thuận không được mà hoà giải cũng không xong thì chính quyền phải xử lý. Phần lớn vụ việc được giải quyết ngay tại xã, chỉ những vụ phức tạp mới phải chuyển hồ sơ lên huyện. Ở huyện Ba Bể trước năm 1994 việc giải quyết vấn đề tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Ban Thanh tra; từ năm 1994 trở lại đây do Phòng Địa chính chịu trách nhiệm. Đối với những vụ quá phức tạp huyện huy động tất cả các ngành có liên quan, trước hết là các ngành thuộc khối nội chính như kiểm sát, toà án, công an,... phối hợp giải quyết. Nhiều khi huyện phải cử cán bộ về "nằm vùng" cùng xã giải quyết. Có một số trường hợp phải chuyển hồ sơ lên tỉnh.

Việc giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp đất đai trước hết và chủ yếu dựa vào pháp luật, căn cứ theo luật đất đai và các văn bản

pháp quy mà các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành. Tuy nhiên, do các văn bản luật thiếu nhất quán, chưa đồng bộ và nhiều khi không phù hợp với thực tế nên nếu chỉ dựa vào pháp luật thì nhiều vụ việc khó lòng giải quyết ổn thoả, nhất là với những vụ gắn với các thời kỳ trước đây. Vì thế, phải xử lý, giải quyết sao cho không những "đạt lý" mà còn phải "thấu tình". Ngoài dùng lý lẽ để chỉ ra đúng sai, phải trái với mục đích thuyết phục, trong một mức độ nhất định còn lợi dụng tình cảm họ hàng, làng xóm để phân tích cái lợi, cái hại, cái hơn, cái thiệt nhằm hoà giải, nhất là với những vụ tranh chấp trong nội tộc.

Việc giải quyết mâu thuẫn và tranh chấp đất đai phải xem xét cụ thể các chứng cứ mang tính pháp lý như văn tự, giấy tờ nhượng bán, sổ sách của hợp tác xã. Cũng có những vụ không còn giấy tờ, sổ sách nhưng có nhiều người biết rõ sự việc. Trong trường hợp đó, cơ sở để giải quyết là ý kiến của đương sự và những người làm chứng. Ví dụ, trong vụ tranh chấp 6.000 m² ruộng giữa ông Cà Thắm Sắc và bà Hoàng Thị Âm, chính quyền đã cho bà Âm thắng kiện với lý do ông Cà Thắm Vẹ (bố ông Sắc) đã bán số ruộng đó cho ông Hoàng Văn Lợi (bố bà Âm). Hiện nay, tuy cả người mua lẫn người bán đều đã chết và không còn văn tự, giấy tờ nhượng bán nhưng còn nhiều người chứng thực cho việc mua bán đó.

Một trong những nguyên tắc giải quyết tranh chấp đất đai mà chính quyền các cấp ở Bắc Kạn áp dụng là việc tranh chấp có nguồn gốc từ thời kỳ nào thì xử lý, giải quyết theo các văn bản luật của thời kỳ đó. Vì thế, chỉ những vụ tranh chấp có nguồn gốc từ năm 1993 trở lại đây mới giải quyết theo luật hiện hành và các hộ có đất bị Nhà nước thu hồi trước khi luật đất đai ra đời chỉ được bồi thường hoa màu, không được đền bù đất cũng như phân ruộng đất sử dụng để xây

dụng các công trình công cộng trong thời kỳ hợp tác xã sẽ không được đền bù.

Ở huyện Ba Bể các vụ tranh chấp đất đai có nguồn gốc từ thời kỳ hợp tác xã được xử lý theo quy định của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh Cao Bằng: hộ nào hiến ruộng cho tập thể thì khi hợp tác xã giải thể sẽ được nhận lại để sử dụng. Sau khi luật đất đai được ban hành nguyên tắc trên vẫn được huyện áp dụng. Ở huyện Bạch Thông thì ra nghị quyết về "ruộng đầu đơn": các hộ đưa bao nhiêu ruộng vào hợp tác xã thì sẽ được nhận lại bấy nhiêu.

Trong trường hợp tranh chấp giữa người khai phá với người phục hoá thì giải quyết theo nguyên tắc: cả hai cùng có công và do đó cùng được hưởng thành quả lao động. Người khai phá được ưu tiên lấy ruộng nhưng phải trả cho người phục hoá một số tiền hay thóc do hai bên thoả thuận; hoặc là, người khai phá chỉ nhận một phần ruộng, còn một phần thuộc về người phục hoá. Cách giải quyết này được những người trong cuộc chấp nhận và được nhân dân địa phương hoan nghênh. Ở xã Bộc Bó (huyện Ba Bể) trong vụ tranh chấp 4.000 m² ruộng giữa ông Lý Đào Sơn là người khai hoang và ông Đặng Văn Sinh là người phục hoá, chính quyền xã xử lý theo cách chia đôi. Ông Sơn không chịu, kiện lên huyện thì chính quyền huyện lại cho ông Sinh được nhận toàn bộ số ruộng đó nhưng phải trả cho ông Sơn 1 triệu đồng. Ở xã Nghiên Loan chính quyền không những giải quyết việc tranh chấp mà còn đứng ra định giá đất, tính số tiền mà người được ruộng phải trả cho người không được và 2 bên phải nộp tiền và lấy tiền qua Phòng Địa chính huyện.

Vấn đề đền bù đất đai và hoa màu để giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của Nhà nước. Nhưng nhiều khi các văn bản pháp quy không sát với thực tế, thiếu cụ thể,

lại chỉ là những điểm chung nhất nên rất khó vận dụng. Thêm vào đó, do việc quản lý hồ sơ địa chính thiếu chặt chẽ, mốc giới không rõ, đo đạc không chính xác và việc giải quyết có khi lại thiên vị, nể nang, không khách quan làm cho vấn đề vốn đã phức tạp càng trở nên phức tạp hơn, nhất là từ khi tiến hành thẩm định lại giá đất theo Nghị định 22 của Chính phủ. Trước tình hình đó ngành địa chính đã tổ chức nghiên cứu hồ sơ, xác định rõ mốc giới và đo đạc lại để tính giá đền bù. Vì thế, các vụ kiện cáo xung quanh việc giải phóng mặt bằng không phải là ít và có những vụ khá phức tạp nhưng nói chung đều được giải quyết ổn thoả.

* * *

Nhìn chung đến nay, quan hệ đất đai ở Bắc Kạn đã bước đầu được giải quyết. Số vụ tranh chấp giảm đi rất nhiều và những hộ không có đất canh tác do việc đòi lại ruộng đất của ông cha đã dần dần ổn định cuộc sống bằng nhiều cách khác nhau. Cư dân hạ sơn trở về bản cũ hay trụ lại khai phá ruộng nước. Một số đồng bào miền xuôi lên khai hoang bỏ tiền mua ruộng, tiếp tục làm nghề nông; một số chuyển đi nơi khác hoặc dời lên thị trấn, thị tứ để buôn bán, làm dịch vụ; một số nữa "ly nông, bất ly hương", chuyển sang chăn nuôi, chạy máy xay xát,... Điều đó góp phần giữ vững trật tự, an ninh của địa phương, làm lành mạnh các quan hệ xã hội ở nông thôn miền núi, củng cố thêm lòng tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Thực tiễn ở Bắc Kạn cho thấy, để giải quyết triệt để các quan hệ đất đai, không những cần có chủ trương, đường lối đúng mà còn phải có chính sách đồng bộ, thích hợp với những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc.